

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 647 QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 03 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.60, huyện Hưng Hà
(đoạn từ đường tỉnh ĐT.455 đi xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà)”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 105/STNMT-CCBVMT ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.60, huyện Hưng Hà (đoạn từ đường tỉnh ĐT.455 đi xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà)”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 130/TTr-STNMT ngày 24 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.60, huyện Hưng Hà (đoạn từ đường tỉnh ĐT.455 đi xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà)” (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Hưng Hà (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại các xã: Đông Đô, Văn Cẩm, Duyên Hải huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Hưng Hà có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hưng Hà; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã: Đông Đô, Văn Cẩm, Duyên Hải, huyện Hưng Hà; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Hưng Hà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Ph*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT. *Ph*



Lại Văn Hoàn

1912
No. 100
1000



CÁC NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án: **Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.60, huyện Hưng Hà**
(**đoạn từ đường tỉnh ĐT.455 đi xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà**)
(*Kèm theo Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2023*
* của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.60, huyện Hưng Hà (đoạn từ đường tỉnh ĐT.455 đi xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà).

- Địa điểm thực hiện dự án: Các xã: Đông Đô, Văn Cẩm, Duyên Hải huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Chủ dự án: Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Hưng Hà

Địa chỉ: Thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi:

Đầu tư nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.60 (đoạn từ đường tỉnh ĐT.455 đi xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà) gồm:

+ Tuyến chính: Điểm đầu giao với đường tỉnh ĐT.455 tại Km6+950 (lý trình đường tỉnh ĐT.455) thuộc xã Đông Đô; điểm cuối giao với dự án Đầu tư xây dựng đường ĐH.60 đoạn từ xã Văn Cẩm đi xã Dân Chủ huyện Hưng Hà, thuộc xã Duyên Hải (tại Km1+031,09 lý trình dự án giao cắt); chiều dài dự án L=3113,69m (bao gồm 406,23m thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường ĐH.60 đi ĐH.64, huyện Hưng Hà).

+ Tuyến nhánh 1: Điểm đầu giao với bên phải tuyến chính tại Km0+775,25; điểm cuối tại nhà văn hóa thôn Chí Linh; chiều dài tuyến L=88,6m.

+ Tuyến nhánh 2: Điểm đầu giao với bên phải tuyến chính tại Km0+877,91; điểm cuối giao với đường trục bê tông thôn Chí Linh; chiều dài tuyến L=99,14m.

+ Tuyến nhánh 3: Điểm đầu giao với đường trục thôn Chí Linh; điểm cuối giao với bên phải tuyến nhánh 1 tại Km0+10,71; chiều dài tuyến L=133,05m.

- Quy mô:

+ Tuyến chính:

Đoạn Km0+000 đến Km0+469,29 và đoạn Km1+647,44 đến Km2+266,47: Thảm 01 lớp bê tông nhựa (BTN) C19 dày 7cm kết hợp bù vênh bằng BTN C19 trên mặt đường hiện trạng; xây dựng vỉa hè theo hiện trạng đối với đoạn từ Km0+00 đến Km0+469,29 và đường gom nút giao với đường tỉnh ĐT.468.

Các đoạn tuyến còn lại đầu tư xây dựng theo quy mô đường cấp IV đồng bằng (TCVN 4054:2005), mặt đường cấp cao A1 ($E_{yc} \geq 130 \text{Mpa}$) (riêng đoạn từ Km0+882 đến Km1+076,18; Km0+469,29 đến Km0+707 thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường ĐH.60 đi ĐH.64, huyện Hưng Hà đã được đầu tư xây dựng và mới đưa vào sử dụng).

+ Tuyến nhánh 1, tuyến nhánh 2 đầu tư xây dựng theo quy mô đường cấp IV đồng bằng (TCVN 4054:2005), mặt đường cấp cao A1 ($E_{yc} \geq 130 \text{Mpa}$).

+ Tuyến nhánh 3 đầu tư xây dựng theo quy mô đường cấp V đồng bằng (TCVN 4054:2005), mặt đường cấp cao A1.

+ Tải trọng thiết kế các công trình trên tuyến: HL93.

+ Xây dựng các công trình trên các tuyến gồm: Cống thoát nước ngang đường, rãnh thoát nước dọc đường tại các đoạn đi cạnh khu dân cư; hoàn trả hệ thống mương xây gạch; đổ coi rãnh thoát nước, mương thoát nước tận dụng trên các đoạn tuyến; hệ thống an toàn giao thông trên tuyến; kè gia cố taluy các đoạn lán ngòi; vỉa hè trên tuyến nhánh 1, đoạn từ đầu tuyến chính đến nút giao đường tỉnh ĐT.468 và đường gom nút giao.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Tuyến chính chiều dài 3.113,69m (bao gồm 406,23m thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường ĐH.60 đi ĐH.64, huyện Hưng Hà); tuyến nhánh 1 chiều dài 88,6m, tuyến nhánh 2 chiều dài 99,14m, tuyến nhánh 3 chiều dài 133,05m.

- Công trình trên tuyến:

+ Rãnh thoát nước dọc đường khẩu độ $B=0,6\text{m}$: Thiết kế trên tuyến chính tại các đoạn: Km1+817,52 đến Km1+877,52 (trái tuyến), Km1+865,69 đến Km2+019,38 (phải tuyến), Km2+315,96 đến Km2+500,96 (phải tuyến) và trên vỉa hè hai bên tuyến nhánh 1 bằng bê tông cốt thép (BTCT); nâng cao độ đỉnh rãnh thoát nước $B = 0,6\text{m}$ hiện trạng ở hai bên đường tại các đoạn tuyến tận dụng rãnh hiện trạng.

+ Rãnh thoát nước $B=0,4\text{m}$ thiết kế trên 02 đảo nút giao với đường tỉnh 468.

+ Cống vuông khẩu độ $B=1,0\text{m}$ (07 cống).

+ Gia cố mái taluy bằng đá hộc xây chiều dài 506,6m.

+ Hoàn trả mương thủy lợi khẩu độ $B=1,0\text{m}$.

+ Vỉa hè.

+ Điện chiếu sáng.

+ Đảo cứng hai bên nút giao với đường tỉnh ĐT.468 (02 đảo).

+ Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế theo Quy chuẩn QCVN 41:2019/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ, Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN Giờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế và các quy định hiện hành của Nhà nước.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ quá trình phá dỡ, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh

hoạt của công nhân, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

- Giai đoạn vận hành: Khí thải từ phương tiện giao thông, tiếng ồn, độ rung.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải:

Phát sinh trong giai đoạn xây dựng: Nước thải từ quá trình thi công, xây dựng khoảng 5,68 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, COD; nước thải sinh hoạt khoảng 3,5 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, NO₃⁻, PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

- Bụi, khí thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ quá trình giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

+ Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung của các phương tiện tham gia giao thông trên đường.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Phát sinh giai đoạn thi công xây dựng khoảng 30,1 kg/ngày đêm.

- Chất thải rắn thông thường:

Phát sinh trong giai đoạn xây dựng: Từ phá dỡ, phát quang, dọn dẹp mặt bằng khoảng 68,8 tấn; từ bóc tách lớp đất mặt, thi công xây dựng khoảng 11.551,96 tấn.

- Chất thải nguy hại:

Phát sinh trong giai đoạn xây dựng: Vỏ thùng sơn thải, dầu mẩu que hàn thải, chổi sơn, con lăn sơn thải, giẻ lau dính dầu, tấm thấm dầu thải,...; khối lượng khoảng 90kg.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn chuẩn bị, xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải.

- Giai đoạn vận hành: Từ hoạt động các phương tiện giao thông trên đường.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với nước thải:

Giai đoạn xây dựng:

- Thuê công nhân tại địa phương để hạn chế phát sinh nước thải sinh hoạt; sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại công trường thi công, nước thải được hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng phát sinh tại khu vực tập kết nguyên vật liệu của dự án được thu gom qua đường rãnh thu nước thải vào 02 bể lắng thể tích 6 m³/bể, nước thải sau xử lý được tái sử dụng để phục vụ xây dựng.

- Nước mưa chảy tràn khu vực tập kết nguyên vật liệu: Thực hiện biện pháp dùng bạt che phủ; bố trí rãnh thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước khu vực tập kết nguyên vật liệu.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng: Phun tưới ẩm tại các khu vực thi công, lên kế hoạch vận chuyển nguyên vật liệu, thi công hợp lý, che phủ thùng xe trong quá trình vận chuyển, bố trí lịch trình vận chuyển phù hợp, dọn vệ sinh, rửa xe trước khi ra khỏi khu tập kết nguyên vật liệu, thường xuyên vệ sinh, che phủ các vị trí tập kết nguyên liệu, sử dụng xe vận tải được kiểm định.

- Giai đoạn vận hành: Trồng cây xanh tại các vị trí được quy hoạch theo quy định; lắp đặt biển hiệu giao thông, gờ giảm tốc theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

Giai đoạn xây dựng:

- Chất thải sinh hoạt được thu gom vào 03 thùng đựng rác thể tích 100 lít/thùng, hợp đồng với tổ vệ sinh môi trường của địa phương thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải xây dựng: Thu gom, phân loại bán tái chế đối với chất thải có thể tái chế; chất thải không thể tái chế hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý; đất thải từ quá trình đào đắp, bóc tách đất hữu cơ được tận dụng để trồng cây xanh, đắp bờ chắn cát thuộc dự án, phần không tận dụng được sẽ chuyên giao đơn vị có nhu cầu sử dụng theo quy định; thực vật từ quá trình phát quang: Hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực vận chuyển, xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Giai đoạn xây dựng: Sử dụng 02 thùng nhựa thể tích 100 lít/thùng có nắp đậy kín, có dán nhãn chất thải nguy hại lên vỏ thùng, đặt tại khu vực tập kết nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực thu gom, xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Giai đoạn xây dựng: Sử dụng các thiết bị có mức gây ồn thấp; xây dựng kế hoạch thi công phù hợp; đối với các thiết bị có độ ồn lớn, các thiết bị gây rung sẽ được lắp đặt trên đệm cao su và lò xo chống rung; hạn chế số lượng thiết bị thi công đồng thời, bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.

Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

- Giám sát không khí xung quanh trong quá trình xây dựng dự án:

+ Vị trí giám sát: 02 vị trí tại tuyến đường thuộc dự án đi qua khu dân cư.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

+ Thông số giám sát: Bụi tổng, CO, SO₂, NO_x; tiếng ồn, độ rung.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại trong quá trình xây dựng dự án: Giám sát về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các điều kiện có liên quan đến môi trường sau:

6.1. Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án.

6.2. Hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án.

6.3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án

6.4. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng và không gây ảnh hưởng xấu tới hoạt động lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp; phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền trong việc thi công hệ thống thoát nước, bảo đảm không gây gián đoạn nguồn nước cấp phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân khu vực Dự án.

6.5. Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

6.6. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện Dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

6.7. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN

05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

6.8. Xây dựng phương án cảnh giới và điều tiết lưu thông trước khi triển khai thi công; lắp đặt biển báo, mốc giới địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công; bố trí lực lượng, phương tiện tham gia công tác cảnh giới và điều tiết lưu thông theo quy định để quản lý, theo dõi các báo hiệu công trường khu vực thi công, kịp thời xử lý các vấn đề liên quan tới báo hiệu đang quản lý và bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian thi công.

6.9. Trong quá trình thi công nếu đề xảy ra sạt lở gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng phải dừng ngay hoạt động thi công và phối hợp với các cơ quan có liên quan và cơ quan địa phương khắc phục tình hình và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6.10. Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

6.11. Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./